# Năm 2021「Điều tra và theo dõi thực tập sinh kỹ năng đã về nước」
# （Khái quát）

（Tờ riêng 1）

## 1.Mục đích điều tra thăm dò

Điều tra thăm dò này là nhằm mục đích làm rõ ràng thực trạng sau khi về nước của thực tập sinh kỹ năng, để nắm rõ được sự thai đổi tình trạng việc làm chức vụ sau khi tiếp thu và học hỏi được kỹ thuật, kỹ năng, kiến thức ở Nhật để làm tài liệu căn bản việc quản lý suông sẻ, chính đáng cho chế độ thực tập sinh kỹ năng.

## 2. Đối tượng điều tra thăm dò

Những người mang quốc tịch Việt Nam,Trung Quốc,Indonesia,Philippine và Thái Lan đã về nước ( bao gồm cả ※ dự định) trong khoản thời gian từ ngày 1 tháng 9 Reiwa năm thứ 3( năm 2021) cho đến ngày 31 tháng 12 Reiwa năm thứ 3( năm 2021),trong số những thực tập sinh kỹ năng đã hoàn thành việc thực tập kỹ năng.

※ Bao gồm cả những cựu thực tập sinh kỹ năng (Phần ghi phía dưới gọi là「Cựu thực tập sinh đã có dự định về nước」)tuy đã có dự định đi về nước ,nhưng do bởi ảnh hưởng của bệnh truyền nhiễm Covid-19 chủng mới,cho nên vẫn chưa có thể đi về nước nhà được và đang lưu trú dựa theo tư cách lưu trú「Hoạt động đặc định 」tại Nhật Bản .

## 3. Phương pháp điều tra thăm dò

（1）Gửi bản điều tra thăm dò và phương pháp trả lời qua mạng, và phiếu thăm dò bằng tiếng mẹ đẻ đúng số đối tượng đến những nghiệp đoàn tiếp nhận thực tập sinh và nhờ phân phát đến tận tay cho các đương sự.

（2）Đối tượng điều trả lời vào bản điều tra thăm dò sau khi đã về nước, và sau đó gửi bản điều tra thăm dò ý kiến từ nước sở tại đến văn phòng điều tra thuộc cơ quan thực tập sinh kỹ năng, hoặc trả lời qua mạng từ nước của mình.

（3）Đáp án không ghi tên, phương thức chọn lựa,（có một phần được ghi tự do）

## 4. Số lượng trả lời có hiệu lực・Tỉ lệ thu hồi

| Đối tượng điều tra thăm dò | Số lượng trả lời có hiệu lực | Tỉ lệ thu hồi |
|---|---|---|
| 27,046 | 7,930<br>(Trong đó , người đã trả lời「chưa về nước」là 4,554) | 29.3% |

# Chi tiết của Đối tượng trả lời có hiệu lực

## Giới tính của người trả lời

Tỉ lệ「Nam」Chiếm 57.2% Tỉ lệ「Nữ」Chiếm 42.3%

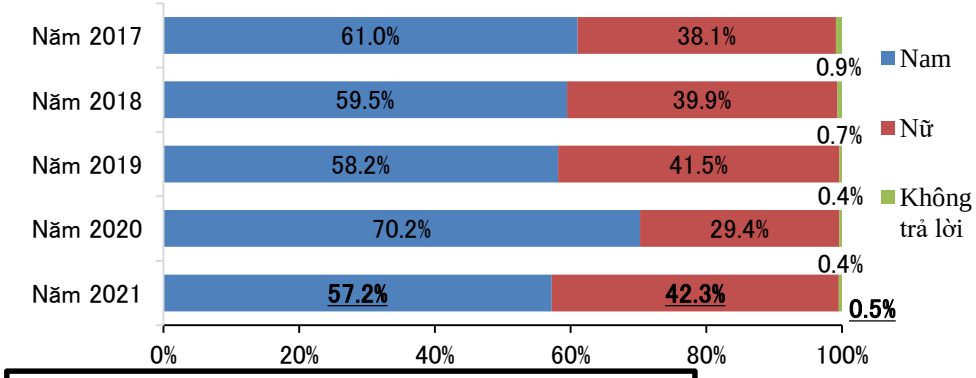


## Độ tuổi của người trả lời

Tỉ lệ độ tuổi dưới 30 chiếm 62.8%

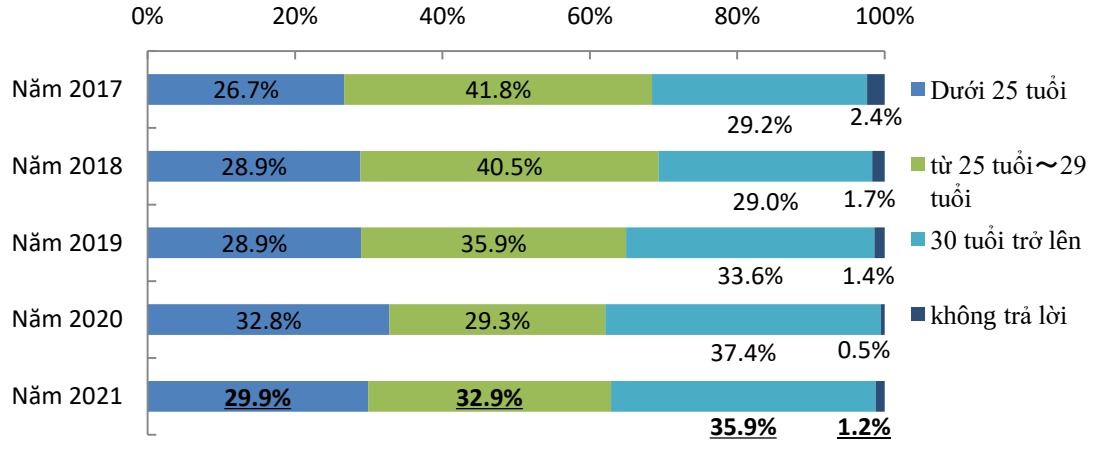


## Ngành nghề của thực tập kỹ năng

Đang tăng dần theo thứ tự như「Ngành Máy móc･Chế tạo sản phẩm kim loại（28.4%）」,「Khác（20.4%）」,「Xây Dựng（16.2%）」.

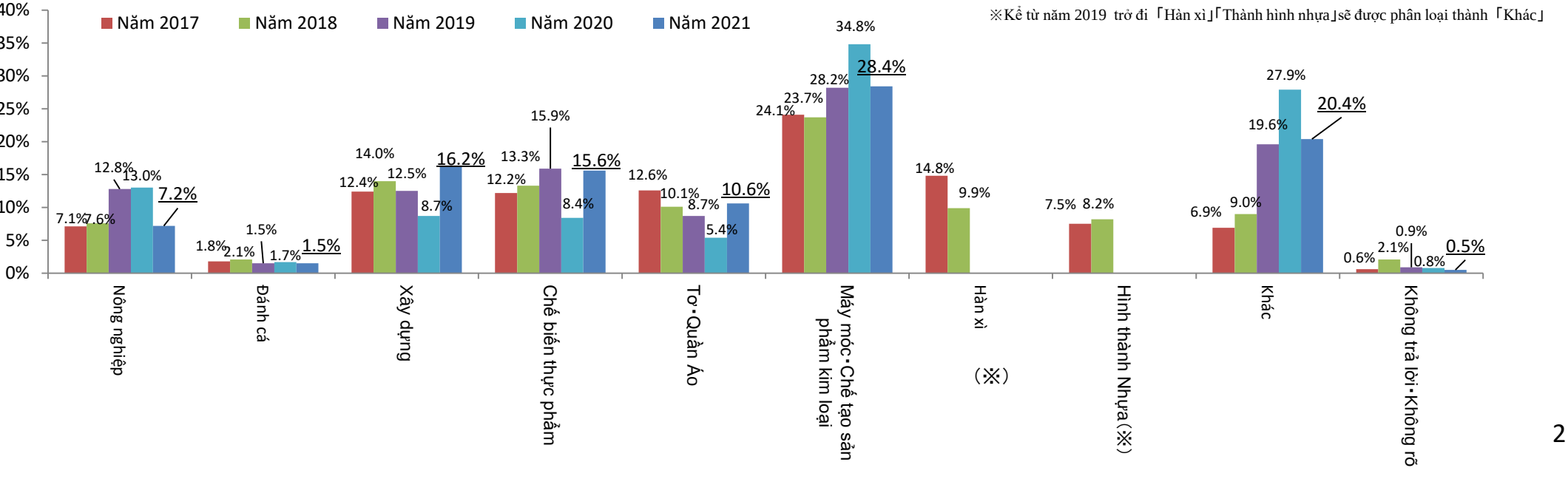

# Hiệu quả của việc thực tập kỹ năng

## Hiệu quả của việc thực tập kỹ năng

Tỉ lệ của người trả lời về việc học hỏi thông qua quá trình thực tập có hữu ích chiếm 89.0%.

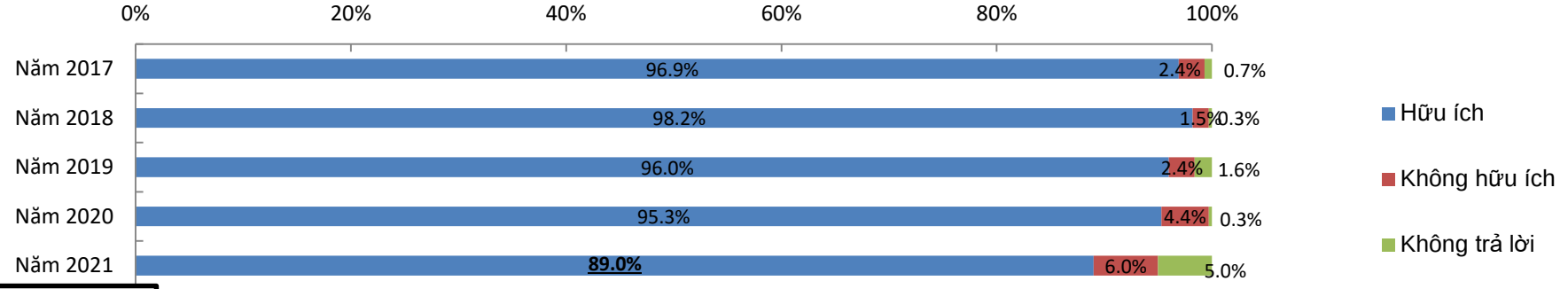


※Reiwa năm thứ 3( năm 2021) từ tham số trừ đi「Cựu thực tập sinh đã có dự định về nước」.

## Nội dung hữu ích

Chi tiết nội dung có hữu ích cao nhất「Kỹ năng học được」là 76.4%、「Quy tắc nơi làm việc」là 66.2% 、「Kinh nghiệm sinh sống tại Nhật」64.0% .

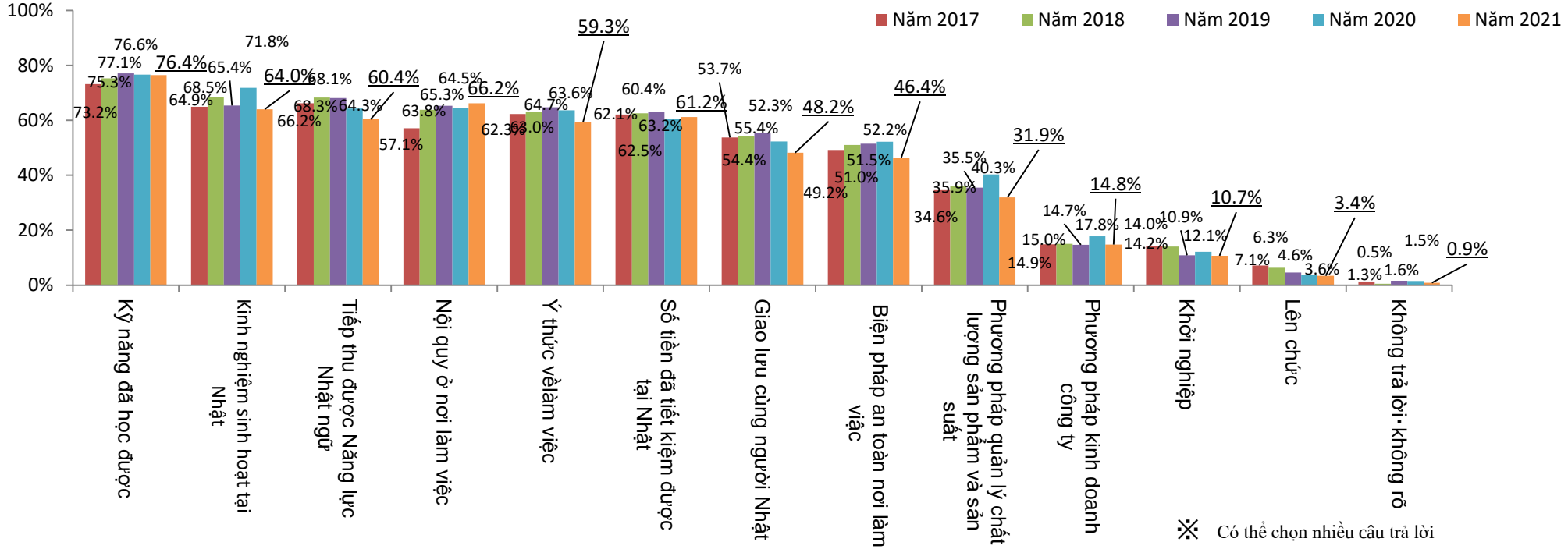

# Tình hình công việc sau khi đã về nước

## Tình hình công việc sau khi đã về nước

「Quay lại với (tư cách ) thực tập sinh kỹ năng số 3」có bổ xung thêm sự lựa chọn từ Heisei năm thứ 30( năm 2018) .
「Quay lại với (tư cách )hoạt động đặc định xây dựng (làm tàu )」có bổ xung thêm sự lựa chọn từ Heisei năm thứ 30( năm 2018) cho đến Reiwa năm thứ 2( năm 2020).
「Quay lại với (tư cách ) kỹ năng đặc định 」có bổ xung thêm sự lựa chọn từ Reiwa năm thứ nhất ( năm 2019) cho đến Reiwa năm thứ 3( năm 2021) ,không bao gồm 「Cựu thực tập sinh đã có dự định về nước」. ※Reiwa năm thứ 3( năm 2021) không bao gồm 「Cựu thực tập sinh đã có dự định về nước」.

Về tình hình công việc sau khi đã về nước「Được thuê và đang làm việc（16.3%）」,「Đã được quyết định thuê vào làm（9.3%）」, và「Khởi nghiệp（14.4%）」, tổng số người đã trả lời 40.0%
Và thêm nữa, số người trả lời sau khi về nước「Đang tìm việc 」là 25.9%. Tình hình loại việc thì theo như ở P9. Tình quốc gia thì theo như ở P10, Tình hình loại thực tập thì theo như ở P11.

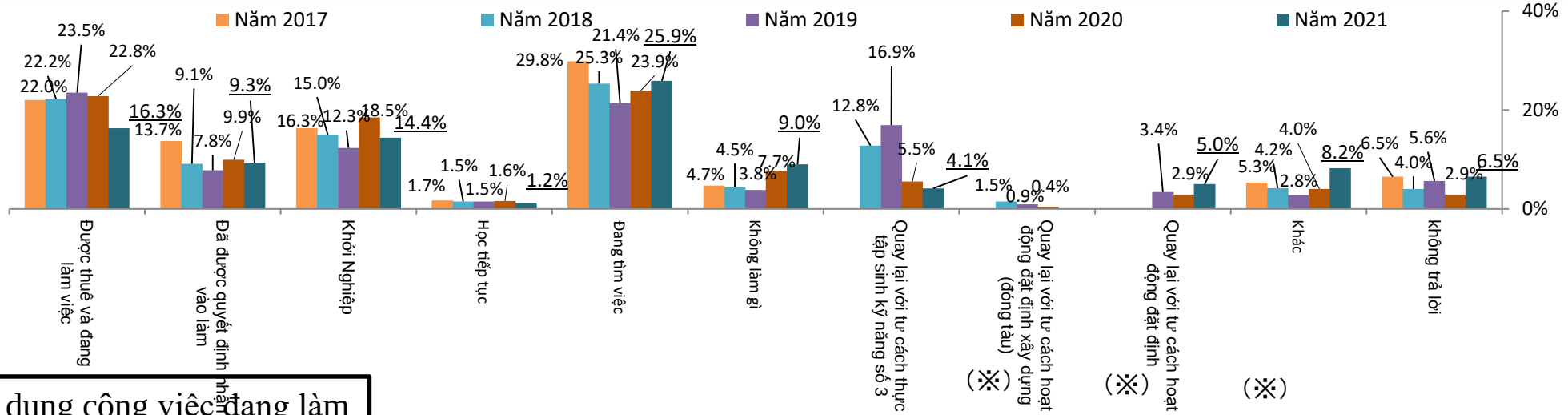


## Nội dung công việc đang làm

Trong số người đã trả lời「Được thuê và đang làm việc」,「Đã được quyết định thuê vào làm」, và「Khởi nghiệp 」Nội dung công việc đang làm「Giống như công việc đã thực tập（42.4%）」và「 Giống như loại việc đã thực tập（21.6%）」tỉ lệ chiếm 64.0%.

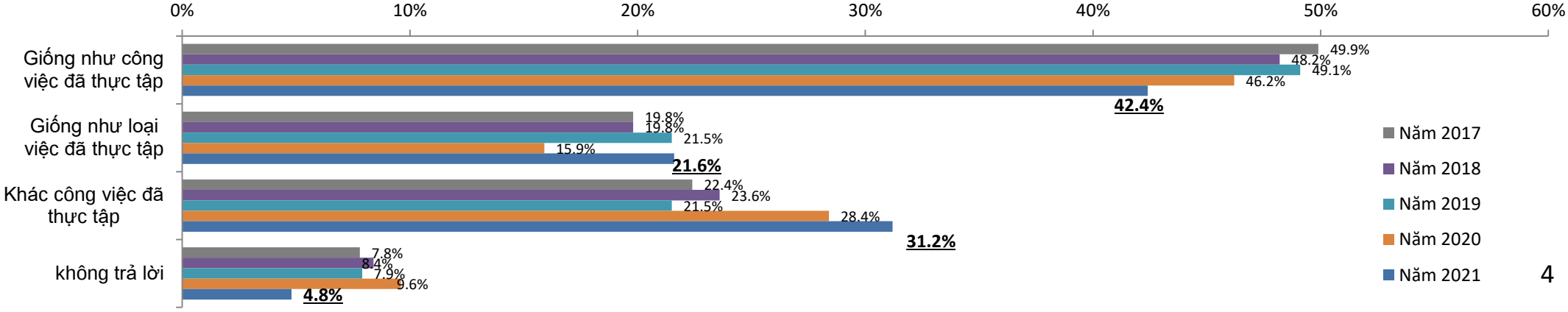

# Có hoặc không có tiền đặc cọc

## Có hoặc không có tiền đặc cọc

※Reiwa năm thứ 3( năm 2021) bao gồm「Cựu thực tập sinh đã có dự định về nước」.

Tỉ lệ số người trả lời「không có tiền thế chấp」91.3%.

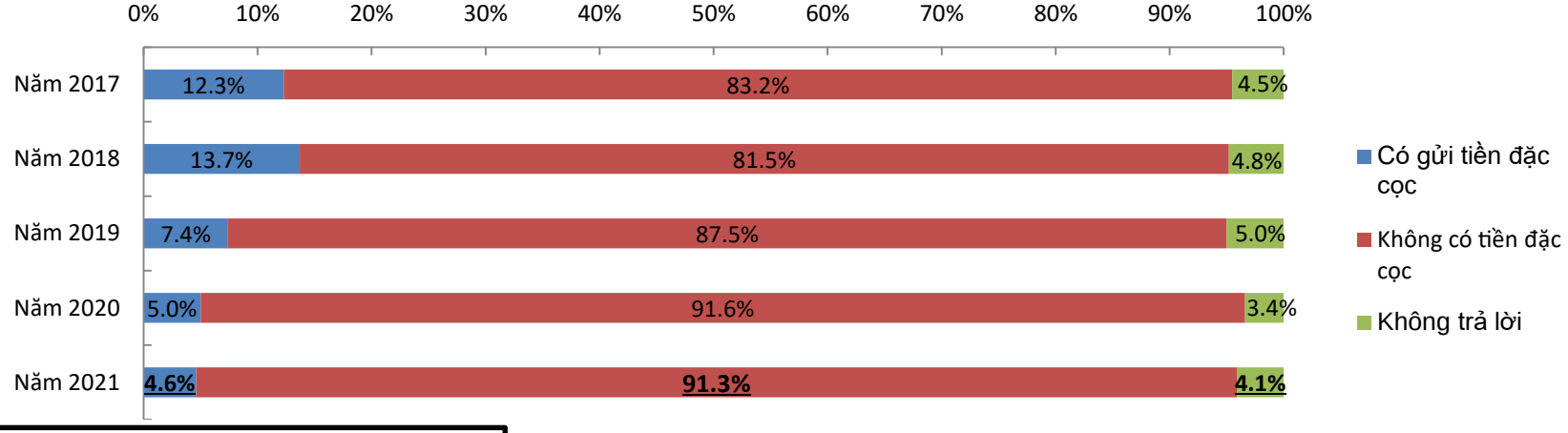


## Có hoặc không hoàn trả tiền đặc cọc

※Reiwa năm thứ 3( năm 2021) bao gồm「Cựu thực tập sinh đã có dự định về nước」.

Đối với người đã trả lời「Đã gửi tiền thế chấp」, khi có hỏi về tình hình hoàn trả như thế nào thì 44.5% đã trả lời là「Đã được hoàn trả toàn bộ」

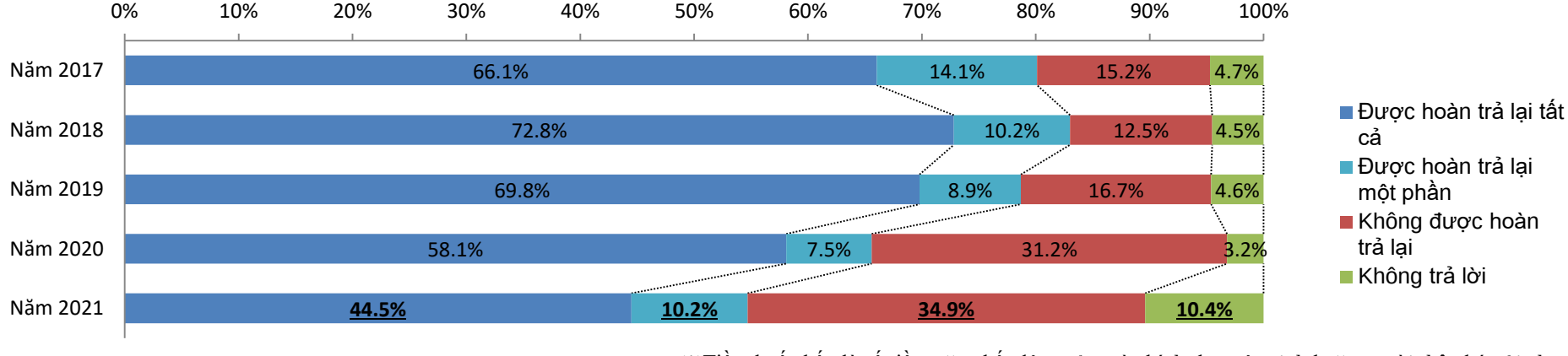


※Tiền thuế chấp là số tiền mặt、bất động sản mà chính thực tập sinh hoặc người thân ký gửi cho công ty phái cử và nghiệp đoàn quản lý để bảo đảm và đền bù khi thực tập sinh bỏ trốn. Thêm nữa, đó không phải là số tiền đã vay để làm chi phí sang Nhật.

# Có, không có vấn đề trong thời gian cư trú

## Mục nghiêm cấm trong hóa trình thực tập (cư trú)

※「Cấm giao lưu nam nữ」và「Đã bị đối xử bất lợi với lý do kết hôn, có thai, sinh con」đã được thêm vào mục chon lựa.
※Reiwa năm thứ 3( năm 2021) bao gồm 「Cựu thực tập sinh đã có dự định về nước」.

96.2% đã trả lời (cả không trả lời)「Không có mục nghiêm cấm」. Còn về nội dung của mục nghiêm cấm nhiều nhất là「Cấm giao lưu nam nữ」là 1.8%, Tiếp theo đó là「Cấm sử dụng điện thoại di động」1.5%..

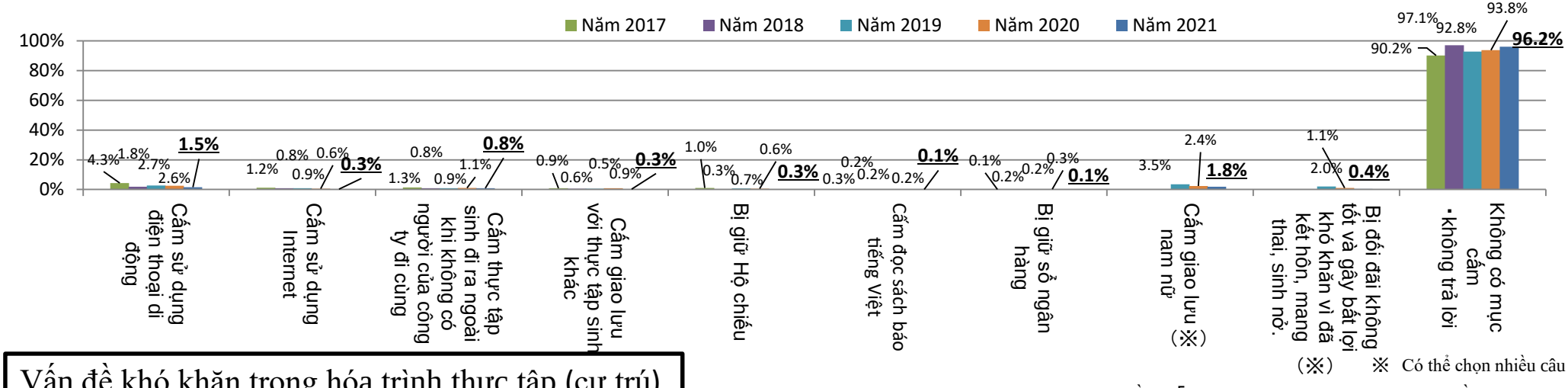


※ Có thể chọn nhiều câu trả lời

## Vấn đề khó khăn trong hóa trình thực tập (cư trú)

※Reiwa năm thứ 3( năm 2021) bao gồm 「Cựu thực tập sinh đã có dự định về nước」.

Khi hỏi về vấn đề khó khăn trong thời gian cư trú ở Nhật bản ngoài vấn đề giao tiếp ra thì 84.5% trả lời là「không có gặp khó khăn」. Nội dung cụ thể cuả 62.1% người đã trả lời「đã có gặp khó khăn」nhiều nhất là「Vì xa gia đình nên rất nhớ nhà」.

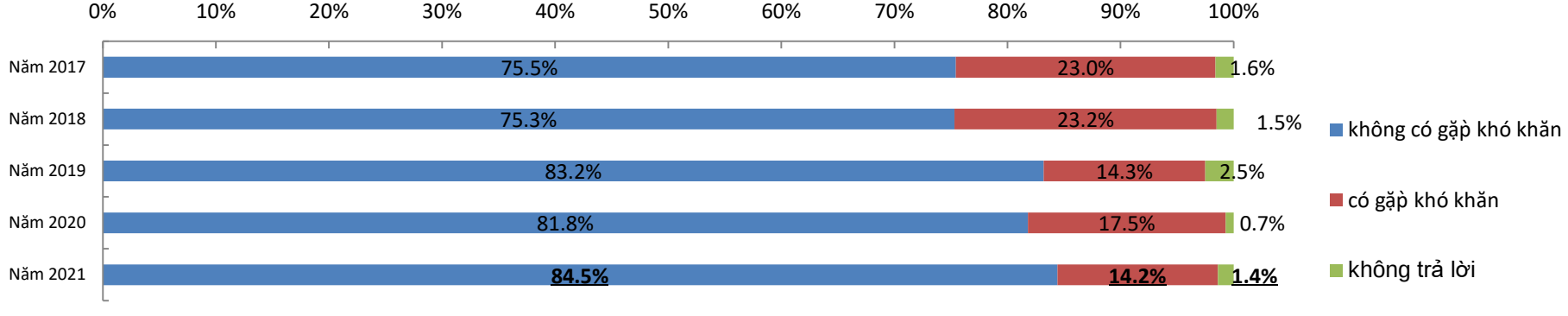

# Vấn đề khi cư trú

※Reiwa năm thứ 3( năm 2021) bao gồm 「Cựu thực tập sinh đã có dự định về nước」.

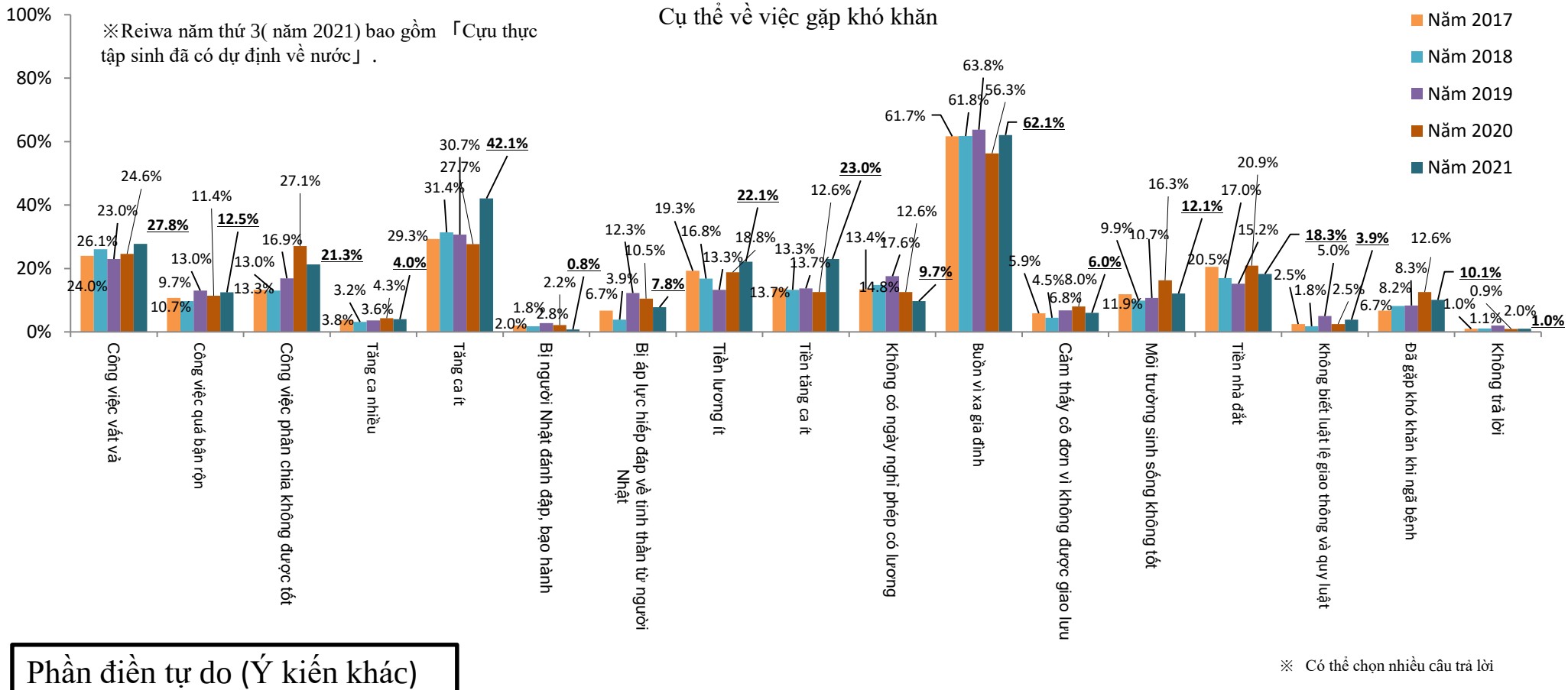


※ Có thể chọn nhiều câu trả lời

## Phần điền tự do (Ý kiến khác)

Trong phần trả lời có hiệu lực của 7,930 người, đã có 949 người đưa ra ý kiến. Ngoài ý kiến trên thì cũng có ý kiến như sau.

- Vấn đề Công ty can dự vào việc riêng tư của thực tập sinh, tôi cảm thấy đó là một sự việc quá đáng.
- Do ảnh hưởng của Dịch cúm Corona ,và không có cơ hội ra ngoài giải trí để xã Tréss
- Về việc thủ tục (Xử lý ) khấu trừ tiền thuế Gensen và Lương hưu, tôi cảm thấy rất là cần được sự hỗ trợ và giải thích riêng biệt cho từng cá nhân.
- Chỉ vì cái địa vị thực tập sinh thôi mà có nhiều người Nhật mang thành kiến và khinh biệt. Tôi cảm thấy rất đáng tiếc.
- Tôi cảm thấy số tiền thuế bị khấu trừ quá cao nếu muốn sống ở Nhật.
- Về việc ăn uống, tôi rất muốn được quan tâm và hiển thị cụ thể dễ hiểu cho người có Tôn giáo.
- Khoản cách từ Công ty đến Ký túc xá quá xa, và vì khu vực không có phương tiện giao thông công cộng cho nên sự sinh hoạt rất là bất tiện.

# Tình trạng công việc sau khi về nước（Toàn thể）

## Tình trạng công việc sau khi về nước

※Reiwa năm thứ 3( năm 2021) không bao gồm「Cựu thực tập sinh đã có dự định về nước」.

Về tình hình việc làm của thực tập sinh sau khi về nước 「đã được thuê và đang làm việc（16.3%）,「đã được thuê và đã quyết định nơi làm（9.3%）」hoặc là「đang khởi nghiệp（14.4%）」tổng cộng tỉ lệ 40.0%.
Trong số người đã trả lời 「đã được thuê và đang làm việc 」,「đã được thuê và đã quyết định nơi làm」hoặc là「đang khởi nghiệp」 Những nội dung công việc mà thực tập sinh theo làm ,「công việc giống như đã thực tập（42.4%）」 hoặc 「loại việc giống như đã thực tập（21.6%）」tổng cộng tỉ lệ câu trả lời là 64.0%.

| | Năm 2021 | (Năm 2020) |
|---|---|---|
| Đã được thuê và đang làm việc | 16.3% | (22.8%) |
| Đã được thuê và đã quyết định nơi làm | 9.3% | (9.9%) |
| Đang khởi nghiệp | 14.4% | (18.5%) |
| **Tổng kết 3 điểm trên** | **40.0%** | **(51.2%)** |
| Đang học tiếp | 1.2% | (1.6%) |
| Đang tìm việc | 25.9% | (23.9%) |
| Quay lại với tư cách thực tập sinh kỹ năng số 3 | 4.1% | (5.5%) |
| Quay lại với tư cách hoạt động đặt định xây dựng (đóng tàu) | 0% | (0.4%) |
| Quay lại với tư cách hoạt động kỹ năng | 5.0% | (2.9%) |
| Không làm gì | 9.0% | (7.7%) |
| Khác | 8.2% | (4.0%) |
| Không trả lời | 6.5% | (2.9%) |

| | Năm 2021 | (Năm 2020) |
|---|---|---|
| Công việc giống như đã thực tập | 42.4% | (46.2%) |
| Loại việc giống như đã thực tập | 21.6% | (15.9%) |
| **Tổng kết 2 điểm trên** | **64.0%** | **(62.1%)** |
| Công việc khác như đã thực tập | 31.2% | (28.4%) |
| Không trả lời | 4.8% | (9.6%) |

# Tình trạng công việc sau khi về nước（Loại việc）

| | | Nông nghiệp | Đánh cá | Xây dựng | Chế biến thực phẩm | Tơ･Quần Áo | Máy móc･Chế tạo sản phẩm kim loại | Khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Tình trạng công việc sau khi về nước | Đã được thuê và đang làm việc | 25.8% | 10.0% | 9.8% | 14.8% | 18.7% | 18.5% | 14.5% |
| | Đã được thuê và đã quyết định nơi làm | 5.9% | 8.0% | 8.3% | 9.5% | 10.9% | 10.3% | 9.7% |
| | Đang khởi nghiệp | 14.8% | 10.0% | 14.3% | 12.5% | 5.4% | 13.7% | 19.3% |
| | **Tổng kết 3 điểm trên(※)** | **46.5%** | **28.0%** | **32.4%** | **36.8%** | **35.0%** | **42.5%** | **43.5%** |
| | Học tiếp | 1.3% | 4.0% | 0.8% | 0.8% | 0.4% | 1.7% | 1.3% |
| | Đang tìm việc | 23.7% | 28.0% | 23.5% | 30.6% | 24.1% | 26.8% | 25.0% |
| | Quay lại với tư cách thực tập sinh kỹ năng số 3 | 3.0% | 6.0% | 8.1% | 1.9% | 1.2% | 4.2% | 3.6% |
| | Trở lại ngành đặt định kỹ năng | 4.7% | 6.0% | 9.0% | 6.4% | 2.3% | 3.6% | 4.3% |
| | Không làm gì | 6.8% | 6.0% | 8.7% | 10.3% | 7.8% | 8.5% | 10.7% |
| | Khác | 6.4% | 12.0% | 10.0% | 6.7% | 14.0% | 7.6% | 7.0% |
| | Không trả lời | 7.6% | 10.0% | 7.5% | 6.4% | 15.2% | 5.0% | 4.6% |
| Nội dung công việc | Công việc giống như đã thực tập | 50.0% | 28.6% | 36.6% | 38.6% | 80.0% | 44.2% | 31.9% |
| | Loại việc giống như đã thực tập | 30.0% | 28.6% | 14.5% | 30.3% | 7.8% | 21.7% | 23.0% |
| | **Tổng kết 2 điểm trên(※)** | **80.0%** | **57.2%** | **51.1%** | **68.9%** | **87.8%** | **65.9%** | **54.9%** |
| | Công việc không như đã thực tập | 14.5% | 42.9% | 40.7% | 27.3% | 8.9% | 30.5% | 39.9% |
| | Không trả lời | 5.5% | 0% | 8.1% | 3.8% | 3.3% | 3.6% | 5.1% |

（※）Vì bài toán có loại bỏ số lẻ cho nên có trường hợp là con số không được chính xác hoàn toàn。

# Tình trạng công việc sau khi về nước（Theo nước）

| | | Việt Nam | Trung Quốc | Indonesia | Philippine | Thai Lan |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Tình trạng công việc sau khi về nước | Đã được thuê và đang làm việc | 10.1% | 26.7% | 5.9% | 19.5% | 18.4% |
| | Đã được thuê và đã quyết định nơi làm | 6.1% | 13.8% | 5.9% | 9.5% | 8.1% |
| | Đang khởi nghiệp | 12.4% | 3.4% | 33.1% | 15.3% | 9.0% |
| | **Tổng kết 3 điểm trên(※)** | **28.6%** | **43.9%** | **44.9%** | **44.3%** | **35.5%** |
| | Học tiếp | 0.8% | 0.2% | 2.6% | 0.0% | 4.0% |
| | Đang tìm việc | 26.6% | 26.2% | 28.3% | 10.5% | 25.1% |
| | Quay lại với tư cách thực tập sinh kỹ năng số 3 | 5.8% | 0.6% | 4.7% | 15.8% | 5.4% |
| | Trở lại ngành đặt định kỹ năng | 5.9% | 1.3% | 5.7% | 18.4% | 8.1% |
| | Không làm gì | 10.6% | 10.9% | 4.2% | 4.2% | 15.2% |
| | Khác | 8.3% | 12.1% | 5.4% | 1.1% | 4.0% |
| | Không trả lời | 13.3% | 4.8% | 4.1% | 5.8% | 2.7% |
| Nội dung công việc | Công việc giống như đã thực tập | 43.9% | 54.0% | 21.3% | 44.0% | 62.0% |
| | Loại việc giống như đã thực tập | 19.3% | 30.5% | 13.4% | 19.0% | 10.1% |
| | **Tổng kết 2 điểm trên(※)** | **63.2%** | **84.5%** | **34.7%** | **63%** | **72.1%** |
| | Công việc không như đã thực tập | 32.1% | 15.0% | 55.6% | 27.4% | 22.8% |
| | Không trả lời | 4.7% | 0.6% | 9.7% | 9.5% | 5.1% |

（※）Vì bài toán có loại bỏ số lẻ cho nên có trường hợp là con số không được chính xác hoàn toàn。

# Tình trạng công việc sau khi về nước（Số loại thực tập）

| | | Số1 | Số 2 | Số 3 |
|---|---|---|---|---|
| Tình trạng công việc sau khi về nước | Đã được thuê và đang làm việc | 19.0% | 17.6% | 11.2% |
| | Đã được thuê và đã quyết định nơi làm | 10.2% | 9.8% | 8.0% |
| | Đang khởi nghiệp | 10.8% | 14.0% | 15.1% |
| | **Tổng kết 3 điểm trên(※)** | **40.0%** | **41.4%** | **34.3%** |
| | Học tiếp | 1.8% | 1.2% | 1.2% |
| | Đang tìm việc | 19.9% | 27.6% | 24.1% |
| | Quay lại với tư cách thực tập sinh kỹ năng số 3 | 2.6% | 4.5% | 4.2% |
| | Trở lại ngành đặt định kỹ năng | 5.0% | 3.4% | 10.4% |
| | Không làm gì | 10.8% | 8.8% | 9.4% |
| | Khác | 11.7% | 7.3% | 8.7% |
| | Không trả lời | 8.2% | 5.9% | 7.7% |
| Nội dung công việc | Công việc giống như đã thực tập | 42.3% | 43.1% | 42.9% |
| | Loại việc giống như đã thực tập | 23.4% | 22.9% | 17.1% |
| | **Tổng kết 2 điểm trên(※)** | **65.7%** | **66.0%** | **60.0%** |
| | Công việc không như đã thực tập | 32.1% | 29.3% | 34.1% |
| | Không trả lời | 2.2% | 4.7% | 5.9% |

（※）Vì bài toán có loại bỏ số lẻ cho nên có trường hợp là con số không được chính xác hoàn toàn。